

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2025/HS - ST

Ngày 12 - 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Liễu

Bà Huỳnh Ngọc Thi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2025/TLST-HS ngày 26/11/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2025/QĐXXST-HS ngày 28/11/2025 đối với bị cáo:

Trần Thị B, sinh ngày 01/01/1980, tại huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang); Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: **Nữ**; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn X và bà Trần Thị L; Chồng, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số: 171/2025/HS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2024 cho đến nay.

(bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)

- **Bị hại:** Bà **Phan Thị Đ**, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A đường P, phường R, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê M, sinh năm 1987 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số E khu phố V, phường R, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Phòng số 3 - 4 nhà trọ số B đường C, phường R, tỉnh An Giang.

2. Ông Ngô Văn Q, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp D, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thanh N, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số G đường T, phường R, tỉnh An Giang.

2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A đường P, phường R, tỉnh An Giang.

3. Bà Dư Thị Lệ T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A đường N, phường R, tỉnh An Giang.

4. Ông Danh Thanh T2, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ D, ấp B, xã C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Trần Thị B quen và sống chung với nhau như vợ chồng với ông Ngô Văn Q tại các lán trại công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Tháng 02/2020, ông Q và B có cùng nhau mua trả góp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: VARIO 125, màu: Nâu- Đen, biển số: 64D1-55785 (ông Q đứng tên trên giấy đăng ký xe). Khoảng tháng 11/2020, B mượn xe mô tô nói trên của ông Q để về nhà dự đám giỗ; ông Q cho B mượn xe mô tô và giấy đăng ký xe (bản sao y). Sau đó, B chạy về nhà và khóa máy không cho ông Q liên lạc. Vài ngày sau, B chạy xe xuống thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) thuê trọ và làm phụ hồ, trong thời gian trên do cần tiền tiêu xài nên B mang xe mô tô đến cầm tại tiệm C, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) do ông Danh Thanh T2 làm chủ với số tiền 12.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, B tiếp tục đến tiệm C yêu cầu lấy thêm 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, chủ tiệm cầm đồ yêu cầu phải có giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của chủ xe nên Bé điện thoại nói với ông Q gửi căn cước công dân của ông Q qua zalo để B chuyển tiền cho ông Q chi tiêu ít hôm rồi Bé chạy xe lên với ông Q (do thời gian trên đang trong mùa dịch Covid). Ông Q tin tưởng nên chụp căn cước công dân gửi cho B. Sau khi xem căn cước của ông Q, ông T2 cho B cầm thêm 3.000.000 đồng.

Khoảng tháng 05/2021, B nói với bà Dư Thị Lệ T1 muốn bán chiếc xe mô tô trên. Đầu tháng 06/2021, bà T1 biết được bà Phan Thị Đ có ý định mua xe mô tô cho con nên giới thiệu B cho bà Đ. Vào sáng ngày 03/6/2021, Bé đến sạp bán hải sản số 51 đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) gặp bà Đ. Tại đây, cả hai thỏa thuận mua bán xe mô tô trên giá 32.000.000 đồng, B cho bà Đ xem hình ảnh xe qua điện thoại và yêu cầu bà Đ đưa trước số tiền 20.000.000 đồng để chuộc xe do xe hiện B đang cầm với số tiền 15.000.000 đồng tại tiệm C. Sau khi thống nhất giá bán, bà Đ nhờ anh Nguyễn Hữu T cùng bạn anh T là chị Trần Thanh N cùng B và bà T1 đến tiệm cầm đồ Vạn L1 xem xe. Khi đến nơi, do thời điểm trên xe của B được để ở kho xe nên B và ông Danh Thanh T2 cho anh T xem một xe mô tô tương tự. Sau khi xem xe, anh T đồng ý mua và cùng B quay về gặp bà Đ, lúc này là vào khoảng 12 giờ cùng ngày. Sau khi nghe anh T nói lại, bà Đ đồng ý mua xe của Bé với giá 30.000.000 đồng. Bé đồng ý nhưng yêu cầu bà Đ đưa trước cho Bé 20.000.000 đồng để B chuộc xe, bà Đ đồng ý và đưa cho Bé 20.000.000 đồng. Lúc này, B kêu bà Đ đi cùng B đến Nhà nghỉ D, đường N, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) để nhận xe nên bà Đ nhờ bà T1, anh T, chị N đi cùng B. Khi đến Nhà nghỉ D, B kêu bà T1, anh T, chị N ở phía ngoài đợi, khi có người mang xe lại Bé sẽ cho hay đến lấy. Tin lời Bé, bà T1, anh T, chị N đi ra phía trước đường cách Nhà nghỉ D một đoạn ngồi đợi. Lợi dụng cơ hội này, B liền đi đường khác bỏ trốn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, do chờ lâu bà T1, anh T, chị N vào tìm không thấy B nên điện thoại cho bà Đ biết. Cùng ngày, bà Phan Thị Đ đến Công an phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là Công an phường R, tỉnh An Giang) tố giác hành vi của B (bút lục số: 76-83, 92,93, 96, 98, 99, 102, 103, 104-108, 252).

Ngày 17/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; khởi tố bị can đối với Trần Thị B để điều tra về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Ngày 19/7/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R có Quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự; đến ngày 03/7/2024 có Quyết định Phục hồi điều tra vụ án hình sự; ngày 07/10/2024 có Quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với Trần Thị B.

Đến ngày 15/11/2024 Trần Thị B ra đầu thú và bị tạm giữ. Ngày 15/11/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R có Quyết định đình

nã; Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự và Quyết định phục hồi điều tra bị can.

Ngày 17/7/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang có Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung; đến ngày 05/9/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tiếp tục có Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung.

Ngày 13/10/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ban hành Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Thị B để điều tra về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với lời khai của ông Ngô Văn Q liên quan đến hành vi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu nâu – đen, biển số 64D1-557.85 của Trần Thị B sau đó mang đi cầm cố là có dấu hiệu của tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 475/QĐ-ĐTTH ngày 11/02/2025 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, sau khi làm việc ban đầu với Cơ quan điều tra, ông Q về địa phương sau đó không hợp tác làm việc với Cơ quan điều tra để đối chất làm rõ; lời khai của ông Q chưa có căn cứ để khởi tố bị can đối với Trần Thị B. Cơ quan điều tra đã tách vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản liên quan đến tài sản của ông Q để xử lý sau.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật: Không có.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 160/KL-HĐĐGTS ngày 13/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố R (nay là phường R), kết luận: Định giá qua hồ sơ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu nâu – đen, dung tích xilanh 124, biển số 64D1-557.85, đã qua sử dụng, tại thời điểm tháng 02/2021 có giá trị là 21.667.000 đồng.

Về phần dân sự: Bị hại Phan Thị Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng và bị cáo đã thực hiện xong việc bồi thường.

Bản cáo trạng số: 28/CT-VKSKV1 ngày 26/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thị B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. **Đồng thời áp dụng Điều 56** Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt mà bị cáo phải chấp hành.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị.

- Xử lý vật chứng: Không đề nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê M trình bày: Ông đã thay bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại và ông không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này cho ông.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, mong được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R (nay là công an phường R), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K (nay là Công an tỉnh A), Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - An Giang, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tiến hành tố tụng những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị B khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đúng với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Cụ thể: Vào ngày 03/6/2021, bị cáo biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu nâu – đen, dung tích xilanh 124, biển số 64D1-557.85 do ông Ngô Văn Q đứng tên chủ sở hữu hợp pháp đang cầm cố tại tiệm C của ông Danh Thanh T2 bằng giấy đăng ký xe photo là tài sản không đủ điều kiện để được sang bán; nhưng bị cáo vẫn cố ý thỏa thuận bán chiếc xe này cho bà Phan Thị Đ với giá 30.000.000 đồng. Sau khi lấy được lòng tin của bà Đ và nhận được số tiền bà Đ đưa trước là 20.000.000 đồng để chuộc xe ở tiệm cầm cò thì bị cáo đã bỏ trốn chiếm đoạt số tiền này.

Như vậy, bị cáo với ý thức muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã có thủ đoạn gian dối, để tạo lòng tin làm cho bị hại bị mắc lừa, tin vào lời nói của bị cáo và đã tự nguyện giao tài sản cho bị cáo, từ đó bị cáo đã chiếm đoạt tài

sản của bị hại; hậu quả về thiệt hại tài sản của bị hại là xuất phát từ hành vi lừa dối của bị cáo.

Xét thấy, bị cáo nhận tội do thực sự thành khẩn, lời khai nhận của bị cáo về hành vi và các tình tiết của vụ án phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Theo đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự: *“Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang truy tố bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; bản thân bị cáo khi thực hiện tội phạm có ý thức và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đủ khả năng nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác do mình thực hiện là hành vi gian dối, trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Ngoài ra, trong giai đoạn điều tra bị cáo có hành vi bỏ trốn, cơ quan điều tra phải tiến hành truy nã, qua đó thấy được bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, gây cản trở ảnh hưởng thời gian giải quyết vụ án; do đó cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phan Thị Đ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 20.000.000 đồng; bị cáo đã hoàn thành xong việc bồi thường và bị hại không còn yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê M là người đã nộp tiền bồi thường thay cho bị cáo với số tiền 20.000.000 đồng; tại phiên tòa, ông xác định không yêu cầu bị cáo hoàn trả cho ông số tiền này; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động người thân bồi thường thiệt hại cho bị hại; nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra, do bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc, nên thuộc trường hợp có nhân thân xấu.

[6] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn, giam giữ bị cáo trong một thời gian nhất định, cải tạo bị cáo thành công dân biết tôn trọng pháp luật, qua đó đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không tạo ra thu nhập nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Vụ án không thu giữ vật chứng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về các nội dung khác: Đối với hành vi của bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu nâu – đen, biển số 64D1-557.85 đứng tên ông Ngô Văn Q sau đó mang đi cầm cố là có dấu hiệu của tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Cơ quan điều tra đã tách vụ án liên quan đến tài sản của ông Q để xử lý riêng cùng với yêu cầu của ông Q về việc buộc bị cáo hoàn trả giá trị chiếc xe với số tiền 30.000.000 đồng; khi có đủ căn cứ sẽ giải quyết theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trần Thị B** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Thị B** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và **Điều 56** Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 15/11/2024.

Tại Bản án số: 171/2025/HS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt bị cáo **Trần Thị B 09 (chín) tháng tù** về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/6/2019 đến ngày 18/6/2019.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo **Trần Thị B** phải chấp hành hình phạt là **02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 15/11/2024; Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/6/2019 đến ngày 18/6/2019.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trần Thị B** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; những người có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án, những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1 – An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Công an phường Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hồng Thắm

